

## I. SƠ LƯỢC VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP KIM HOÀN CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ VIỆT NAM

Ngành công nghiệp kim hoàn, mà tên thông dụng thường được gọi là ngành sản xuất nữ trang là một ngành có truyền thống lâu đời trên thế giới. Nền kinh tế càng phát triển, thu nhập đầu người càng cao thì mức độ tiêu thụ nữ trang càng lớn. Nếu trong thập kỷ 70, vàng trang sức chiếm 58% lượng vàng tiêu thụ trên thế giới, thì qua thập kỷ 80, con số này lên đến 70% và ở thập kỷ 90, con số này đạt 83% (số liệu của Hội đồng vàng thế giới). Năm 1997, toàn thế giới đã sử dụng 3.328 tấn vàng làm đồ trang sức. Tính bình quân chung toàn thế giới, hàng năm mỗi người dân sử dụng một lượng vàng bằng 0,55g làm đồ trang sức. Con số này cho các nước ASEAN như sau : Indonesia : 0,67, Thái Lan : 1,18, Malaysia : 3,90, Việt Nam 0,22.

Ngành công nghiệp nữ trang Việt Nam có truyền thống lâu đời, nhiều làng nghề ở Việt Nam đã có truyền thống trên ngàn năm. Tuy nhiên, do cuộc sống còn khó khăn, thu nhập đầu người còn thấp nên phần lớn thu nhập được chi cho ăn, mặc, ở. Đồng thời còn có quan niệm nữ trang là mặt hàng xa xỉ phẩm (Luxury goods) và là loại hàng hóa đặc biệt nên nhà nước không có một cơ chế quản lý riêng đối với ngành sản xuất nữ trang. Do đó chưa tạo được động lực phát triển ngành. Vì vậy, ngành nữ trang Việt Nam vẫn mang tính chất sản xuất nhỏ, phân tán và mang tính chất thủ công dẫn tới năng suất thấp và chất lượng không đồng đều. Năm 1988 - 1989, tổng lượng vàng nữ trang trong cả nước chỉ khoảng 1000kg - tính bình quân 0,014g/người, một số lượng quá nhỏ so với thế giới. Tuy nhiên, nhờ công cuộc cải cách, nền kinh tế nước ta trong 10 năm qua đã có tăng

trở n g khá. Nhờ vậy, ngành sản xuất và kinh doanh nữ trang của Việt Nam đã phát triển n h a n h c h o ́ n g . L u ớ n g vàng nữ trang năm 1997 đã lên tới 19 tấn (gấp 19 lần so với năm 1988). Và lượng vàng nữ trang

đầu người đã tăng 17 lần so với năm 1988 (0,24g/ 0,014g). Tuy vậy, so với mức độ sản xuất và tiêu thụ chung trên thế giới, con số này còn rất nhỏ và chưa biểu lộ hết tiềm năng về cung cũng như về cầu của Việt Nam. Đặc biệt, tỷ trọng nữ trang tham gia vào thị trường xuất khẩu còn quá ít và nữ trang Việt Nam chưa có được uy tín trên thị trường nữ trang thế giới.

## II. NÊN CHĂNG CẦN CÓ QUAN ĐIỂM KÍCH CẦU ĐỐI VỚI MẶT HÀNG NỮ TRANG ?

Hiện nay, các chính sách kích cầu đang là đề tài nóng bỏng của nước ta. Vì vậy nếu trả lời được câu hỏi "Có nên chăng kích cầu trong lĩnh vực tiêu dùng nữ trang?" là một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

+ Việc tăng lượng tiêu thụ hàng mỹ nghệ kim hoàn sẽ có tác dụng kích thích sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa ngành khác như máy móc cơ khí luyện kim, dụng cụ cầm tay, hóa chất cơ bản, chế tác đá (hiện tượng kéo) cũng như công nghiệp dệt, may, mỹ phẩm (hiện tượng đẩy)...

+ Hàng mỹ nghệ kim hoàn, được làm chủ yếu từ vàng và đá quý, có giá trị bền lâu và không mất đi khi tiêu dùng. Vì vậy nó vừa mang tính chất tiền tệ vừa mang tính chất hàng hóa. Nhu cầu làm đẹp của người lao động (dù ở mức thu nhập nào) và nhu cầu đảm bảo an ninh tài chính khiến cho người ta không giữ tiền mà đã mua nữ trang. Có lẽ, trên khía cạnh này hàng nữ trang không còn là một hàng xa xỉ

# NHỮNG GIẢI PHÁP VĨ MÔ NHẪM PHÁT TRIỂN NGÀNH MỸ NGHỆ KIM HOÀN VIỆT NAM

CAO THỊ NGỌC DUNG

+ Hàng nữ trang là loại hàng hóa được làm từ quý kim, đá quý nên có giá trị cao và lâu dài với một nền kinh tế chưa phát triển, trong nhiều năm qua nhà nước không khuyến khích tiêu dùng và sản xuất ngành mỹ nghệ kim hoàn và được coi là ngành xa xỉ phẩm. Tuy nhiên, vào thời điểm này, khi mức sống chung đã được nâng lên, nhu cầu tiêu dùng nữ trang ngày một tăng lên đã trở thành một nhu cầu tất yếu.

đơn thuần nữa, mà nó còn là khoản dự trữ ngân sách khá chắc chắn cho người lao động. Trên bình diện quốc gia, nó là dự trữ quốc gia được nằm trong tay dân chúng. Khi gặp một biến cố lớn lao, nhà nước có thể huy động nguồn dự trữ này bằng nhiều cách khác. Kinh nghiệm "Tuần lễ vàng" năm 1945 ở Hà Nội và năm 1997 - 1998 ở Hàn Quốc trong việc quyên góp vàng giúp nhà nước giải quyết khó khăn tài chính đã minh



họa trực quan cho quan điểm này...  
**III. CẦN PHẢI CÓ CÁC GIẢI PHÁP Ở TÂM VÍ MÔ NHẪM PHÁT TRIỂN NGÀNH MỸ NGHỆ KIM HOÀN VIỆT NAM**

Để có thể có được một ngành công nghiệp kim hoàn, hòa nhập được với các nước trong khu vực, cần phải có một số giải pháp ở tâm ví mô như sau :

**1. Cần phải có một cơ chế quản lý thích hợp đối với ngành mỹ nghệ kim hoàn :**

Trước hết cần phải xác định ngành mỹ nghệ kim hoàn là một ngành công nghiệp nhẹ như các ngành giấy da, may mặc và xem sản phẩm mỹ nghệ kim hoàn là một loại hàng hóa thông dụng, trên cơ sở đó mới có được một cơ chế quản lý thích hợp tạo điều kiện phát triển ngành. Như đã biết, trong nhiều năm qua vàng được xem là hàng hóa đặc biệt. Từ Nghị định 63/CP về quản lý ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh vàng, ban hành ngày 24.9.1993 vẫn coi vàng là một loại hàng hóa đặc biệt. Sau đó Nghị định số 63/1998/NĐ-CP có nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý vàng tiêu chuẩn quốc tế và có nêu "việc quản lý vàng không phải tiêu chuẩn quốc tế được quản lý riêng theo quy định của pháp luật".

Vừa mới đây ngày 9.12.1999, Chính phủ ban hành nghị định mới về Quản lý hoạt động kinh doanh vàng mang số 174/1999/NĐ-CP, tinh thần của nghị định đã có rất nhiều thay đổi, theo hướng tạo ra một cơ chế quản lý thoáng cho ngành, tuy nhiên còn phải chờ thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và sự phối hợp trong quản lý của các ngành thì nghị định mới có thể phát huy được tác dụng.

**2. Nhà nước cần có chính sách thuế hợp lý - Đây là yếu tố cơ bản tạo ra một động lực phát triển ngành :**

Lâu nay hầu như ngành thuế chưa có một nghiên cứu riêng về ngành sản xuất và kinh doanh vàng nhằm đưa ra một tỷ suất huy động thuế hợp lý và các biện pháp chế tài hữu hiệu. Thuế suất đối với ngành sản xuất nữ trang, trước đây được vận dụng từ tỷ suất thuế của ngành cán kéo kim loại màu là 4% trên doanh thu. Với mức thuế suất này, nhà sản xuất sẽ không tồn tại được nếu không biết "lách" luật. Bởi lẽ, tỷ suất lợi nhuận của ngành vàng ở Việt Nam trong nhiều năm qua không quá 1% (điều này được khẳng định rất rõ bằng thông báo giá vàng hàng ngày trên báo). Vì thế nếu tính đúng với tỷ suất thuế doanh thu cho ngành sản xuất nữ trang thì các doanh nghiệp bị lỗ tối thiểu là 2% trên doanh thu thực hiện.

Từ đầu năm 1999 chuyển sang

áp dụng luật thuế giá trị gia tăng. Riêng với ngành sản xuất và kinh doanh vàng bạc hiện nay có ba mức thuế được áp dụng :

\* Cách tính thứ nhất : Thuế suất GTGT là 10% áp dụng chung cho các ngành, với cách tính thuế là :

Thuế GTGT phải nộp = TGTGT đầu ra - TGTGT đầu vào

Trên lý thuyết thì cách tính thuế này hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên trong thực tế, nguồn vàng mua vào của các doanh nghiệp trong ngành chủ yếu là mua từ thị trường trôi nổi của người dân không kinh doanh. Do đó, không có hóa đơn thuế GTGT để khấu trừ đầu vào hoặc nếu được phép nhập khẩu thì thuế GTGT đầu vào cũng do chính doanh nghiệp phải bỏ tiền ra đóng. Như vậy, trong thuế GTGT, đầu vào các doanh nghiệp chỉ được khấu trừ các khoản TGTGT của các dịch vụ mua ngoài (khoản này không đáng kể). Điều này sẽ dẫn đến doanh nghiệp phải đóng 10% trên doanh thu (cao gần gấp 2,5 lần so với thuế doanh thu trước đây). Đây là mức thuế suất không hợp lý.

\* Cách tính thứ hai : Thuế doanh thu gia công 10% trên doanh thu gia công thực hiện. Với mức thuế suất này vẫn cao hơn 4% so với mức thuế trước khi áp dụng thuế GTGT (mức thuế cũ là 6%). Tuy nhiên để áp dụng được hình thức tính thuế này phải có đầy đủ các chứng từ nhập xuất gia công. Điều này hiện nay chỉ có thể thực hiện được khi hoạt động gia công diễn ra giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, còn với các doanh nghiệp tư nhân sẽ gặp khó khăn, do họ vẫn còn đóng thuế theo mức tài định, nên họ không muốn thể hiện các giao dịch thông qua các chứng từ. Vì thế với cách tính thuế này cũng không tạo được điều kiện cho các doanh nghiệp muốn kinh doanh đúng pháp luật.

\* Cách tính thứ ba : theo thông tư số 89/1998/TT-BTC có quy định "cơ sở kinh doanh vàng, bạc đá quý có hoạt động gia công chế tác sản phẩm vàng bạc đá quý không hạch toán riêng doanh thu và thuế cho hoạt động này thì áp dụng hình thức thuế tính trên chênh lệch". Hình thức này thuế suất 20%. Tuy nhiên với mức thuế suất tính trên chênh lệch giá bán trừ giá thành sản xuất (trong giá thành sản xuất không được cộng tiền lương công nhân và khấu hao máy móc) thì mức thuế 20% là quá cao, doanh nghiệp không có lãi.

Tóm lại, với cả ba cách tính thuế trên thì hiện nay thuế là một gánh quá nặng đối với các doanh nghiệp. Nó sẽ không khuyến khích các doanh nghiệp của ngành mỹ nghệ kim hoàn đảm bảo hoạt động đúng luật, và kiềm hãm sự phát triển của ngành.

Tuy nhiên, trong thực tế cho đến nay, các doanh nghiệp mỹ nghệ kim hoàn vẫn tồn tại và phát triển (dù rất chậm). Các lý do chính sau đây :

+ Các doanh nghiệp nhà nước (SJC và PNJ) là hai doanh nghiệp có đầu tư phát triển sản xuất vàng trang sức theo hướng công nghiệp hóa, hoạt động chủ yếu trên nguồn vốn tự có hoặc vốn ngân sách với lãi suất thấp nên hạch toán trên sổ sách vẫn có lãi, mặc dù lãi đó còn quá nhỏ. Mặt khác, còn được bù đắp bởi các hoạt động kinh doanh khác, tuy chỉ mang tính ngắn hạn nhưng có tỷ suất lợi nhuận cao.

+ đối với các doanh nghiệp tư nhân, thực chất cho đến nay vẫn còn đóng thuế theo mức tài định doanh thu, mức tài định doanh thu cũng trên cơ sở khả năng đóng thuế của hộ kinh doanh, và mức tài định này trên thực tế cũng thấp hơn nhiều so với doanh thu thực. Nếu kê khai đúng doanh thu thì các doanh nghiệp không thể nào chịu nổi mức thuế suất 20%. Do việc phải né tránh doanh thu nộp thuế, họ không dám đầu tư mở rộng sản xuất mà chỉ sản xuất nhỏ, thủ công nên sản phẩm làm ra không đồng nhất và có sản lượng thấp. Đây chính là sự lãng phí to lớn nguồn lực của xã hội trong khi cả phía cung và phía cầu đều còn nhiều tiềm năng.

Vì thế cần phải có một chính sách thuế phù hợp mới có thể khuyến khích đầu tư tạo ra động lực phát triển ngành, Nhà nước cần khẩn trương xem xét lại chính sách thuế đối với ngành mỹ nghệ kim hoàn, theo hướng cụ thể sau:

(1) Cần điều chỉnh mức thuế suất từ 20% xuống với mức thuế suất 10% GTGT tính theo phương thức trực tiếp. Với mức thuế suất này doanh các doanh nghiệp kinh doanh sẽ tích cực đầu tư mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và sẽ góp phần phát triển nền kinh tế đất nước.

(2) Về lâu dài cần phải bãi bỏ cách tính thuế theo phương pháp tài định đối với các doanh nghiệp tư nhân.

(3) Cần quan tâm đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho ngành mỹ nghệ kim hoàn Việt Nam. Vì đây là một trong các yếu tố chủ đạo để duy trì và phát triển sản xuất. Bên cạnh đó cũng cần khuyến khích nâng cao trình độ quản lý của các doanh nghiệp trong ngành.

Ngoài ra Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đầu tư công nghệ mới, có chính sách khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước đối với ngành mỹ nghệ kim hoàn, cũng như có chính sách trợ vốn cho các nhà sản xuất nhỏ để nâng cao trình độ sản xuất và cải tiến công nghệ ■